

An Sinh, ngày 25 tháng 8 năm 2024

KẾ HOẠCH NUÔI DƯỠNG, CHĂM SÓC, GIÁO DỤC TRẺ
LỚP MẪU GIÁO: 5 TUỔI 1

Căn cứ kế hoạch chăm sóc nuôi dưỡng giáo dục nhà trường Số: 256/KHCSNDGD-MNASB ngày 22 tháng 08 năm 2024 của trường mầm non An Sinh B;
Căn cứ vào điều kiện thực tế, khả năng, nhu cầu, nhận thức của trẻ lớp mẫu giáo 5 tuổi 1 xây dựng kế hoạch chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ cụ thể như sau:

STT	Mã	MỤC TIÊU	NỘI DUNG
		1. Chăm sóc, nuôi dưỡng	
		1.1. Ăn, uống	
1	MT1	Trẻ được ăn theo Chế độ ăn, khẩu phần ăn phù hợp với độ tuổi tại trường. Trẻ được Ăn đủ bữa ăn : 1 bữa chính và 1 bữa phụ đảm bảo năng lượng các bữa ăn và tỷ lệ các chất cung cấp năng lượng theo quy định.	- Nhu cầu năng lượng tại trường của 1 trẻ trong một ngày chiếm 50 – 55% nhu cầu cả ngày: 615 – 726 Kcal. - Ăn một bữa chính vào buổi trưa và một bữa phụ vào buổi chiều. - Ăn theo thực đơn, ăn đủ khẩu phần và cân đối về dưỡng chất. + <i>Năng lượng phân phối cho các bữa ăn:</i> Bữa ăn buổi trưa cung cấp từ 30% đến 35% năng lượng cả ngày. Bữa ăn buổi chiều cung cấp từ 25% đến 30%

			năng lượng cả ngày. Bữa phụ cung cấp khoảng 5% đến 10% năng lượng cả ngày. + <i>Tỷ lệ các chất cung cấp năng lượng được khuyến nghị theo cơ cấu:</i> Chất đạm (Protit) cung cấp khoảng 13% - 20% năng lượng khẩu phần. Chất béo (Lipit) cung cấp khoảng 30% - 40% năng lượng khẩu phần. Chất bột (Gluxit) cung cấp khoảng 47% - 50% năng lượng khẩu phần. - Uống đủ nước: khoảng 0,8 – 1,6 lít/trẻ/ngày (kể cả nước trong thức ăn).
		1.2. Ngủ	
2	MT2	Trẻ được Ngủ trưa đúng giờ, đủ giấc và an toàn.	- Ngủ trưa đúng, đủ giờ (150 phút: từ 11h30 – 13h45).
		1.3. Vệ sinh	
3	MT3	Trẻ được vệ sinh cá nhân, vệ sinh môi trường	- Vệ sinh cá nhân đúng cách: + Rửa tay trước khi ăn và sau khi đi vệ sinh, sau khi tham gia các hoạt động... + Rửa mặt + Đi vệ sinh đúng nơi quy định. - Vệ sinh môi trường: + Vệ sinh phòng nhóm, đồ dùng, đồ chơi hàng ngày, hàng tuần, hàng tháng. + Giữ sạch nguồn nước và xử lý rác, nước thải: ngày/lần
		1.4. Chăm sóc sức khỏe và an toàn	
4	MT4	100% Trẻ được khám sức khỏe định kỳ. Theo dõi, đánh giá sự phát triển của cân nặng và chiều	- Khám sức khỏe định kỳ 02 lần/ năm (tháng 09 và 03). Theo dõi, đánh giá sự phát triển của cân nặng và

		cao theo lứa tuổi. Trẻ phát triển bình thường là ... Giảm tỷ lệ SDD... + Theo dõi, đánh giá sự phát triển SDD và béo phì (nếu có).	chiều cao theo lứa tuổi 03 lần/ năm (tháng 9, tháng 12 và tháng 3). Phòng chống suy dinh dưỡng, béo phì. - Có giải pháp kịp thời với trẻ suy dinh dưỡng: Bổ sung chất đạm, sữa, canxi. - Đối với những trẻ béo phì: giảm chất béo, tăng cường vitamin và chất xơ trong thực đơn hàng ngày. - Phối kết hợp cùng phụ huynh trong việc chăm sóc giáo dục trẻ.
5	MT5	Trẻ được phòng tránh các dịch bệnh xảy ra tại lớp. Tiêm chủng theo quy định (Quyền con người)	- Phòng tránh các bệnh thường gặp (tay chân miệng, các dịch bệnh theo mùa: cúm A,B, bệnh thủy đậu...). - Tiêm chủng: uống các loại VTM, tiêm chủng theo chương trình của Y tế.
6	MT6	Trẻ được đảm bảo Phòng tránh một số tai nạn thương tích (Quyền con người)	- Bảo vệ an toàn và phòng tránh một số tai nạn thường gặp.
2. Giáo dục			
2.1. Lĩnh vực phát triển thể chất			
2.1.1. Phát triển vận động			
- Thực hiện được các động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp			
7	MT7	Trẻ thực hiện đúng, thuần thục các động tác của bài thể dục theo hiệu lệnh hoặc theo nhịp bản nhạc/ bài hát. Bắt đầu và kết thúc động tác đúng nhịp	* Các động tác phát triển hô hấp. + Hít vào thật sâu. Thở ra từ từ. + Hít vào thở ra kết hợp với sử dụng đồ vật. (Ngửi hoa, thổi nơ, thổi bóng...) * Các động tác phát triển cơ tay và cơ bả vai. - Tay: + Đưa tay lên cao, ra phía trước, sang 2 bên (kết hợp với vẫy bàn tay, quay cổ tay, kiễng chân) + Co và duỗi từng tay, kết hợp với kiễng chân. + Hai tay đánh xoay tròn trước ngực.

		- Tập với bài hát có lời ca theo chủ đề. Tập Aerobic, dân vũ.	+ Đánh chéo 2 tay ra 2 phía trước, sau. + Luân phiên từng tay đưa lên cao. * Các động tác phát triển cơ bụng, lưng, lườn. + Ngửa người ra sau kết hợp tay giơ lên cao, chân bước sang phải, sang trái + Quay sang trái, sang phải kết hợp với tay chống hông hoặc hai tay giang ngang, chân bước sang phải, sang trái. + Nghiêng người sang hai bên, kết hợp với tay chống hông, chân bước sang phải, sang trái. * Các động tác phát triển cơ chân: + Đưa chân ra các phía (phía trước, sang ngang, phía sau...). + Nhảy lên, đưa 2 chân sang ngang; nhảy lên đưa một chân về phía trước, một chân về phía sau. - Tập theo nhạc bài hát trong chủ đề
		- Thể hiện kỹ năng vận động cơ bản và các tổ chất trong vận động	
8	MT8	Trẻ biết thực hiện phối hợp các kỹ năng trong vận động Bật.	- Bật liên tục vào vòng - Bật tách khếp chân qua 7 ô - Bật qua vật cản cao 15 - 20 cm
	MT8.1	Trẻ biết thực hiện phối hợp các kỹ năng trong vận động Bật.	- Bật liên tục vào vòng
	MT8.2	Trẻ biết thực hiện phối hợp các kỹ năng trong vận động Bật.	- Bật tách khếp chân qua 7 ô
	MT8.3	Trẻ biết thực hiện phối hợp các kỹ năng trong vận động Bật.	- Bật qua vật cản cao 15 - 20 cm
9	MT9	Trẻ biết bật xa tối thiểu 50cm(CS1)	- Bật xa 50 cm.
10	MT10	Trẻ có thể nhảy xuống từ độ cao 40 cm.(CS2)	- Bật - nhảy từ trên cao xuống 40 cm - 45 cm;
11	MT11	Trẻ biết ném và bắt bóng bằng 2 tay từ khoảng	- Ném và bắt bóng với người đối diện (khoảng cách 4

		cách xa 4m. (CS3) Trẻ biết phối hợp tay, mắt trong vận động ném	m) - Ném xa bằng 1 tay, 2 tay - Ném trúng đích bằng 1 tay, 2 tay (Ném trúng đích nằm ngang ; Ném trúng đích thẳng đứng)
	MT11.1	Trẻ biết ném và bắt bóng bằng 2 tay từ khoảng cách xa 4m. (CS3) Trẻ biết phối hợp tay, mắt trong vận động ném	- Ném và bắt bóng với người đối diện (khoảng cách 4 m)
	MT11.2	Trẻ biết ném và bắt bóng bằng 2 tay từ khoảng cách xa 4m. (CS3) Trẻ biết phối hợp tay, mắt trong vận động ném	- Ném xa bằng 1 tay, 2 tay
	MT11.3	Trẻ biết ném và bắt bóng bằng 2 tay từ khoảng cách xa 4m. (CS3) Trẻ biết phối hợp tay, mắt trong vận động ném	- Ném trúng đích bằng 1 tay, 2 tay (Ném trúng đích nằm ngang ; Ném trúng đích thẳng đứng)
12	MT12	Trẻ thực hiện được động tác: Trèo, lên xuống thang ở độ cao 1,5m so với mặt đất. (CS 4) Trẻ biết phối hợp tay mắt trong vận động thể hiện sự nhanh nhẹn, khéo léo trong thực hành bài tập trườn, trèo.	- Trèo lên xuống 7 gióng thang; - Trèo lên xuống thang ở độ cao 1,5m so với mặt đất. - Trườn sắp kết hợp trèo qua ghế dài 1,5m x 30 cm.
13	MT13	Trẻ có thể nhảy lò cò được ít nhất 5-7 bước liên tục, đổi chân theo yêu cầu.(CS 9)	- Nhảy lò cò 5m; - Nhảy lò cò 5 - 7 bước liên tục, đổi chân theo yêu cầu
14	MT24	Trẻ biết đập và bắt bóng bằng 2 tay. (CS10)	- Đập và bắt bóng bằng 2 tay (tại chỗ) - Đi và đập bắt bóng bằng 2 tay.
15	MT15	Trẻ biết đi thẳng bằng trên ghế thể dục (2m x 0,25m x 0,35m). (CS 11) - Trẻ biết giữ thẳng bằng khi đi lên, xuống ván kê dốc (2m x 0,3 m)	- Đi thẳng bằng trên ghế thể dục (2m x 0,25m x 0,35m); - Đi trên dây (dây đặt trên sàn); - Đi trên ván dốc; - Đi lên, xuống ván kê dốc (2m x 0,3 m)
16	MT16	Trẻ giữ thẳng bằng cơ thể, có khả năng kiểm soát vận động: Đi/chạy thay đổi hướng vận động theo đúng hiệu lệnh	- Đi và chạy - Đi bằng mép ngoài bàn chân, đi khụy gối, - Đi nổi bàn chân tiến, lùi

			- Đi, chạy thay đổi tốc độ, hướng đích dắc theo hiệu lệnh.
17	MT17	Trẻ có thể chạy 18m trong khoảng thời gian 5 - 7 s. (CS12)	- Chạy 18m trong khoảng thời gian 5 - 7 giây. - Chạy chậm khoảng 100 – 120m
18	MT18	Trẻ có thể chạy liên tục 150m không hạn chế thời gian (CS13)	- Chạy chậm 150m
19	MT19	Trẻ có thể tham gia các hoạt động học tập liên tục và không có biểu hiện mệt mỏi trong khoảng 30 phút (CS14)	- Tham gia các hoạt động học tập nhiệt tình, hưởng ứng tích cực, vận động thoải mái, tập chung chú ý vào sự hướng dẫn của giáo viên không có dấu hiệu mệt mỏi trong khoảng 30 phút
20	MT20	Trẻ biết bò qua 5,7 điểm đích dắc cách nhau 1,5 m đúng yêu cầu.	- Bò bằng bàn tay, bàn chân 4m - 5m - Bò theo đường đích dắc qua 7 điểm - Bò chui qua ống dài 1,5m x 0,6m - Trẻ bò qua 5, 6 điểm đích dắc cách nhau 1, 5m đúng yêu cầu.
21	MT21	Trẻ biết phối hợp tay mắt trong vận động tung, chuyền.	- Tung bóng lên cao và bắt. - Tung, đập bóng tại chỗ. - Đi và đập bắt bóng. - Chuyền bắt bóng qua đầu và chân.
22	MT22	Trẻ có thể phối hợp thực hiện liên tục 2 vận động cơ bản	-Thực hiện hai vận động cơ bản liên tục -Thực hiện 2 vận động cơ bản theo khả năng, theo yêu cầu
		Thực hiện và phối hợp được các cử động của bàn tay, ngón tay, phối hợp tay mắt	
23	MT23	Trẻ biết tô màu kín, không chồm ra ngoài đường viền các hình vẽ (CS6) <i>Trẻ biết cách tô các nét gợi ý tạo thành con vật, vẽ theo ý thích hoặc theo yêu cầu của giáo viên. (Bảng cảm ứng tương tác EFUN TABLE)</i>	- Tô màu không chồm ra ngoài đường viền các hình vẽ - Tô, đồ theo nét - Nhận biết, tô các nét gợi ý của chữ cái để tạo thành hình các con vật. - Dùng tay để vẽ theo ý thích hoặc theo yêu cầu của giáo viên.
24	MT24	Cắt theo đường viền thẳng và cong của	- Xé, cắt đường vòng cung không bị rách

		các hình đơn giản.(CS7)	- Cắt được thoe đường viền của hình vẽ
25	MT25	Dán các hình vào đúng vị trí cho trước không bị nhăn.(CS8)	- Phết hồ đều - Ghép và dán hình cắt theo mẫu - Dán các vào đúng vị trí cho trước không bị nhăn. - Sản phẩm không bị rách.
26	MT26	Phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay – mắt trong một số hoạt động:	- Các loại cử động bàn tay, ngón tay và cổ tay - Gập mở lần lượt từng ngón tay - Xây dựng, lắp ráp với 12 – 15 khối. - Bể nổi
2.1.2. Giáo dục dinh dưỡng sức khỏe			
Biết một số món ăn thực phẩm thông thường và lợi ích của chúng đối với sức khỏe			
27	MT27	Trẻ kể được tên một số thức ăn cần có trong bữa ăn hàng ngày (CS19) - Trẻ biết một số món ăn, thực phẩm thông thường và ích lợi của chúng đối với sức khỏe.	- Nhận biết, phân loại một số thực phẩm thông thường theo 4 nhóm thực phẩm. - Làm quen với một số thao tác đơn giản trong chế biến một số món ăn, thức uống. - Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì,... <i>- Nhận biết các món ăn đặc sản của địa phương</i>
Thực hiện được một số việc tự phục vụ trong sinh hoạt			
28	MT28	Trẻ biết tự mặc và cởi được áo. (CS5)	- Cài, cởi cúc, kéo khoá (phéch mớ tuya), khâu, luồn, buộc giây. - Mặc các loại áo chui đầu, đóng cúc áo sao cho hai vạt áo bằng nhau.
29	MT29	Trẻ biết tự rửa tay bằng xà phòng trước khi ăn, và sau khi đi vệ sinh và khi tay bẩn.(CS15)	- Tự rửa tay sạch bằng xà phòng. - Rửa sạch tay không có mùi xà phòng. Rửa gọn: Không vẩy nước ra ngoài. - Trẻ biết được lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh tay, chân... trước và sau khi ăn. Đi vệ sinh đúng nơi quy định, sử dụng đồ dùng vệ sinh đúng cách.

30	MT30	Trẻ biết tự rửa mặt, chải răng hàng ngày.(CS16)	- Tập luyện kỹ năng: đánh răng, lau mặt. - Hình thành thói quen, hành vi vệ sinh trong ăn uống và phòng chống bệnh tật: vệ sinh răng miệng sau khi ăn hoặc trước khi đi ngủ, sáng ngủ dậy)
31	MT31	Trẻ biết giữ đầu tóc, quần áo gọn gàng.(CS18)	- Tự chải đầu, giữ đầu tóc, quần áo gọn gàng, sạch sẽ, không bôi bẩn vào quần áo.
32	MT32	Trẻ biết sử dụng một số đồ dùng phục vụ ăn uống thành thạo.	- Tự xúc cơm ăn gọn gàng, tự xới cơm, chan canh vào bát. Biết lấy cốc rót nước uống không làm nước tràn ra ngoài.
33	MT33	Trẻ biết đi vệ sinh đúng nơi qui định, biết đi xong dội/giặt nước cho sạch.	- Đi vệ sinh đúng nơi quy định, sử dụng đồ dùng vệ sinh đúng cách đi xong trẻ tự dội/ giặt nước cho sạch.
		Tập làm một số việc tự phục vụ trong sinh hoạt và giữ gìn sức khỏe	
34	MT34	Trẻ biết che miệng khi ho, hắt hơi, ngáp. (CS17) - Trẻ có một số hành vi và thói quen tốt trong vệ sinh, phòng bệnh	- Nhận biết một số hành động văn minh, lịch sự. - Tập luyện một số thói quen tốt về giữ gìn sức khỏe. - Lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh thân thể, vệ sinh môi trường đối với sức khỏe con người. - Lựa chọn và sử dụng trang phục phù hợp với thời tiết. - Ích lợi của mặc trang phục phù hợp với thời tiết. - Nhận biết một số biểu hiện khi ốm, nguyên nhân và cách phòng tránh.
35	MT35	Biết và không ăn, uống một số thức ăn có hại cho cơ thể.(CS20)	- Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật. (ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì...). - Kể tên một số đồ ăn, đồ uống không tốt cho sức khỏe.
		- Biết một số nguy cơ không an toàn và phòng tránh	
36	MT36	Trẻ nhận ra và không chơi một số đồ vật có thể gây nguy hiểm. (CS21)	- Nhận biết và phòng tránh những hành động nguy hiểm, những nơi không an toàn, những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng như (dao, kéo; những mảnh cốc thủy tinh, mảnh gương bị vỡ....)

37	MT37	Biết và không làm một số việc có thể gây nguy hiểm.(CS22) - Trẻ có một số thói quen tốt liên quan đến an toàn cho bản thân (Quyền con người) - Trẻ biết tự bảo vệ sức khỏe trước một số hiện tượng thời tiết tự nhiên.	- Nhận ra một số việc làm có thể gây nguy hiểm đối với bản thân và người xung quanh. - Biết một số việc làm có thể gây nguy hiểm như đánh nhau, tắm sông, hồ, cắm ổ điện, sờ vào đường dây điện, chơi gần khu vực bếp ga, nghịch dao, kéo... và không làm những việc gây nguy hiểm đó. - Thực hành thói quen tốt liên quan đến an toàn cho bản thân (quyền con người) - Biết bảo vệ sức khỏe trước các hiện tượng tự nhiên (trời nắng, mưa, sấm sét)
38	MT38	Trẻ không chơi ở những nơi mất vệ sinh, nguy hiểm. (CS 23)	- Nhận biết và phòng tránh những nơi nguy hiểm như ao, hồ, sông, suối, ổ điện, khu vực bếp ga, bàn là, bếp lò...những nơi không an toàn, phân biệt được nơi bẩn, sạch và mất vệ sinh như khu rác thải... chơi ở nơi sạch và an toàn.
39	MT39	Trẻ không đi theo, không nhận quà của người lạ khi chưa được người thân cho phép.(CS24)	- Biết tránh một số trường hợp không an toàn + Khi người lạ bế ẵm, cho bánh kẹo, uống nước ngọt, rủ đi chơi. + Ra khỏi nhà, khu vực trường, lớp khi không được phép của người lớn cô giáo.
40	MT40	Kêu cứu và chạy khỏi nơi nguy hiểm.(CS25) - Trẻ biết nhận định và phản ứng với các tình huống giao thông. (Tôi yêu Việt Nam)	- Nhận biết một số trường hợp khẩn cấp như cháy nổ, tai nạn...và gọi người đến giúp đỡ. Kêu cứu và chạy khỏi nơi nguy hiểm. -Tạo tình huống mô phỏng để trẻ học cách phản ứng với các tình huống giao thông, chẳng hạn như khi có đèn xanh hoặc đèn đỏ, và khi gặp các phương tiện khác.
41	MT41	Trẻ hiểu và biết hút thuốc lá là có hại và không	- Tác hại thông thường của hút thuốc lá hoặc ngửi phải

		lại gần người đang hút thuốc.(CS26)	khói thuốc lá.
		2.2. Lĩnh vực phát triển nhận thức	
		2.2.1. Khám phá khoa học	
		Xem xét và tìm hiểu đặc điểm của các sự vật, hiện tượng	
42	MT42	Trẻ thể hiện một số hiểu biết về các giác quan và một số bộ phận cơ thể con người. - Trẻ nhận biết được các bộ phận trên cơ thể, biết cách mô tả về bộ phận con người. (Khai thác phần mềm Kidsmart) - <i>Biết cách phòng tránh xâm hại cơ thể (quyền con người)</i>	- Chức năng các giác quan và một số bộ phận khác của cơ thể. - Nhận biết các bộ phận cơ thể và biết cách mô tả về bộ phận con người. - <i>Dạy trẻ cách phòng tránh xâm hại.</i> - <i>Biết bảo vệ bản thân</i>
43	MT43	Trẻ biết phân loại một số đồ dùng thông thường theo chất liệu công dụng(CS96)	- So sánh sự khác nhau và giống nhau của đồ dùng, đồ chơi và sự đa dạng của chúng - Phân loại đồ dùng, đồ dùng, đồ chơi theo 2-3 dấu hiệu.
44	MT44	Trẻ nhận biết được một số phương tiện giao thông	- Đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông và phân loại theo 2-3 dấu hiệu.
45	MT45	Gọi tên nhóm cây cối, con vật theo đặc điểm chung. (CS 92) <i>Trẻ làm quen với Tiếng Anh thông qua nhận biết các chữ cái Tiếng Anh qua tên gọi các con vật, hoa quả, thực vật...; Phát âm bang Tiếng Anh;</i>	- Đặc điểm, ích lợi và tác hại của con vật, cây, hoa, quả, rau. + Gọi tên các con vật/ cây gần gũi xung quanh. Tìm được đặc điểm chung, ích lợi của 3 hoặc 4 con vật/ cây/ hoa quả. + Đặt tên cho nhóm những con/ cây/ hoa quả... bằng những từ khái quát. - <i>Tìm chữ cái còn thiếu của các đồ vật, con vật, hoa, quả..v.v..tạo thành từ Tiếng Anh hoàn chỉnh.</i> - <i>Phát âm tên con vật bang Tiếng Anh theo mẫu.</i>

		<i>(Bảng cảm ứng tương tác EFUN TABLE)</i>	
	MT45.1	Gọi tên nhóm cây cối (CS 92) <i>Trẻ làm quen với Tiếng Anh thông qua nhận biết các chữ cái Tiếng Anh qua tên gọi các hoa quả, thực vật...; Phát âm bang Tiếng Anh; (Bảng cảm ứng tương tác EFUN TABLE)</i>	- Đặc điểm, ích lợi và tác hại của cây, hoa, quả, rau. + Gọi tên một số cây gần gũi xung quanh. Tìm được đặc điểm chung, ích lợi của 3 hoặc 4 cây/ hoa quả. + Đặt tên cho nhóm những cây/ hoa quả... bằng những từ khái quát. - <i>Tìm chữ cái còn thiếu của một số hoa, quả..v..v..tạo thành từ Tiếng Anh hoàn chỉnh.</i>
	MT45.2	Gọi tên con vật theo đặc điểm chung. (CS 92) <i>Trẻ làm quen với Tiếng Anh thông qua nhận biết các chữ cái Tiếng Anh qua tên gọi các con vật; Phát âm bang Tiếng Anh; (Bảng cảm ứng tương tác EFUN TABLE)</i>	- Đặc điểm, ích lợi và tác hại của con vật. + Gọi tên các con vật gần gũi xung quanh. Tìm được đặc điểm chung, ích lợi của 3 hoặc 4 con vật. + Đặt tên cho nhóm những con vật gần gũi bằng những từ khái quát. - <i>Tìm chữ cái còn thiếu của các con vật .tạo thành từ Tiếng Anh hoàn chỉnh.</i> - <i>Phát âm tên con vật bang Tiếng Anh theo mẫu.</i>
46	MT46	Nhận ra sự thay đổi trong quá trình phát triển của cây cối và con vật và một số hiện tượng tự nhiên (CS 93) <i>Trẻ biết khám phá thế giới xung quanh qua Ngôi nhà khoa học của SAMMY và biết thực hành phân loại, sắp xếp, quan sát, dự đoán</i>	- Quá trình phát triển của cây, con vật, điều kiện sống của của một số loại cây con vật. + Gọi tên cho từng giai đoạn phát triển của cây/ con vật/ hoa quả thể hiện trên tranh. + Nhận ra sự sắp xếp những tranh ảnh đó theo trình tự phát triển. - Quan sát phán đoán mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây cối và môi trường sống. + Cách chăm sóc và bảo vệ con vật, cây

	và xây dựng các trò chơi.(Khai thác phần mềm Kidsmart)	- Phân loại các bức tranh theo đúng chủng loại. - Thiết kế đồ chơi và máy móc. - Sắp xếp các bức tranh theo đúng thứ tự để tạo một bộ phim.
MT46.1	Nhận ra sự thay đổi trong quá trình phát triển của cây cối Trẻ biết khám phá thế giới xung quanh qua Ngôi nhà khoa học của SAMMY và biết thực hành phân loại, sắp xếp, quan sát, dự đoán và xây dựng các trò chơi (Khai thác phần mềm Kidsmart)	- Quá trình phát triển của cây điều kiện sống của của một số loại cây con vật. + Gọi tên cho từng giai đoạn phát triển của cây, hoa quả thể hiện trên tranh. + Nhận ra sự sắp xếp những tranh ảnh đó theo trình tự phát triển. - Quan sát phán đoán mối liên hệ đơn giản giữa cây cối và môi trường sống. + Cách chăm sóc và bảo vệ cây - Phân loại các bức tranh theo đúng chủng loại. - Thiết kế đồ chơi và máy móc. - Sắp xếp các bức tranh theo đúng thứ tự để tạo một bộ phim.
MT46.2	Nhận ra sự thay đổi trong quá trình phát triển của con vật . Trẻ biết khám phá thế giới xung quanh qua Ngôi nhà khoa học của SAMMY và biết thực hành phân loại, sắp xếp, quan sát, dự đoán và xây dựng các trò chơi.(Khai thác phần mềm Kidsmart)	- Quá trình phát triển của con vật, điều kiện sống của một số con vật. + Gọi tên cho từng giai đoạn phát triển của con vật thể hiện trên tranh. + Nhận ra sự sắp xếp những tranh ảnh đó theo trình tự phát triển. + Cách chăm sóc và bảo vệ con vật. - Quan sát phán đoán mối liên hệ đơn giản giữa con vật và môi trường sống. - Phân loại các bức tranh theo đúng chủng loại. - Thiết kế đồ chơi và máy móc. - Sắp xếp các bức tranh theo đúng thứ tự để tạo một bộ phim.

47	MT47	Loại được một đối tượng không cùng nhóm với các đối tượng còn lại. (CS115)	- Nhận ra sự khác biệt của một đối tượng trong nhóm so với những đối tượng còn lại. - Giải thích đúng lý do loại bỏ đối tượng khác biệt đó.
48	MT48	Trẻ nhận biết sự khác nhau giữa ngày và đêm ,mặt trời và mặt trăng. Trẻ biết đặc điểm của không khí, ánh sáng và tác dụng của nó	- Sự khác nhau giữa ngày và đêm, mặt trời và mặt trăng - Không khí, các nguồn ánh sáng và sự cần thiết của nó với cuộc sống con người, con vật và cây.
49	MT49	Trẻ biết đặc điểm, tính chất của nước, tác dụng của nước với đời sống con người, con vật và cây. Trẻ biết đặc điểm tính chất của đất, đá, cát, sỏi	- Các nguồn nước trong môi trường sống - Ích lợi của nước với đời sống con người, con vật và cây - Một số đặc điểm tính chất của nước - Nguyên nhân gây ô nhiễm nguồn nước và cách bảo vệ nguồn nước - Một vài đặc điểm, tính chất của đất, đá, cát, sỏi.
Nhận biết mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng và giải quyết vấn đề đơn giản			
50	MT50	Nhận biết mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng và giải quyết vấn đề đơn giản	- Nhận xét được mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng - Giải quyết các vấn đề đơn giản bằng các cách khác nhau
Thể hiện hiểu biết về đối tượng bằng các cách khác nhau			
51	MT51	Trẻ nói được một số đặc điểm nổi bật của các mùa trong năm nơi trẻ đang sống.(CS94) <i>Trẻ biết khám phá thế giới xung quanh qua Ngôi nhà khoa học của SAMMY và biết thực hành phân loại, sắp xếp, quan sát, dự đoán và xây dựng các trò chơi.(Khai thác phần mềm Kidsmart)</i>	- Một số hiện tượng thời tiết thay đổi theo mùa và thứ tự các mùa - Sự thay đổi trong sinh hoạt của con người, con vật và cây theo mùa - Đặc điểm đặc trưng của các mùa - Biết lựa chọn trang phục theo mùa cho phù hợp. - Khám phá động vật, thực vật khi chúng thích ứng với sự thay đổi các mùa. - Vận dụng các yếu tố thời tiết khác nhau.

			- Sắp xếp các bức tranh theo đúng thứ tự để tạo một bộ phim.
52	MT52	Trẻ có thể dự đoán một số hiện tượng tự nhiên đơn giản sắp xảy ra.(CS95)	- Dự đoán một số hiện tượng tự nhiên đơn giản sắp xảy ra và giải thích được dự đoán của mình. (Mưa, nắng, gió, bão, lũ lụt, hạn hán...) - Một số hiện tượng thời tiết thay đổi theo mùa và thứ tự các mùa
53	MT53	Trẻ giải thích được mối quan hệ nguyên nhân - kết quả đơn giản trong cuộc sống hàng ngày. (CS 114)	- Trẻ giải thích được câu hỏi bằng mẫu câu: "Tại vì.....nên..." nêu được nguyên nhân dẫn đến sự việc. - Thí nghiệm, thực nghiệm về sự vật hiện tượng xung quanh như; vật chìm nổi, sự luân chuyển của nước, không khí...
54	MT54	Trẻ hay đặt câu hỏi. (CS112)	- Tò mò tìm tòi, khám phá các SVHT xung quanh như đặt câu hỏi về SVHT „ Tại sao có mưa“...
55	MT55	Trẻ thể hiện hiểu biết về đối tượng qua hoạt động chơi, âm nhạc, tạo hình	- Các trò chơi đóng vai theo chủ đề, bắt chước mô phỏng động tác của các con vật - Hát vận động các bài hát về cây, con vật - Vẽ, xé, nặn các con vật
2.2.2. Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán			
Nhận biết và đếm số lượng			
56	MT56	Trẻ có thể nhận biết con số phù hợp với số lượng trong phạm vi 10. (CS104) <i>- Trẻ nhận biết các chữ số bang Tiếng Anh, thêm bớt số lượng và làm quen với phép tính cộng trừ trong phạm vi 10 thông qua trò chơi . (Bảng cảm ứng tương tác EFUN TABLE) Trẻ biết sử dụng máy tính như là một công cụ để</i>	- Đếm trong phạm vi 10, đếm theo khả năng. - Các chữ số, số lượng và số thứ tự trong phạm vi 10 - Ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày (số nhà, số điện thoại, biển số xe, ..) - Đọc số bang Tiếng Anh. - Tô thứ tự các chữ số theo ý thích từ 1 - 10 và tô theo yêu cầu của giáo viên. - Thêm bớt trong phạm vi 10.

		<i>sáng tạo, chơi và học. Trẻ biết các con số, cách đếm, thêm bớt (Khai thác phần mềm Kidsmart)</i>	- Làm quen với phép cộng, trừ trong phạm vi 10 - Nghe, xem số và số lượng tương ứng. - Nhận biết số lượng.
57	MT57	Trẻ biết tách, gộp 10 đối tượng thành 2 nhóm bằng ít nhất 2 cách và so sánh số lượng của các nhóm.(CS105)	- Gộp/tách các nhóm đối tượng bằng các cách khác nhau và đếm và so sánh số lượng của các nhóm.
		So sánh sắp xếp theo quy tắc	
58	MT58	Trẻ nhận ra qui tắc sắp xếp đơn giản và tiếp tục thực hiện theo qui tắc.(CS116) <i>Biết so sánh, sắp xếp theo quy tắc, sắp xếp các số theo thứ tự. (Bảng cảm ứng tương tác EFUN TABLE)</i>	- So sánh, phát hiện quy tắc sắp xếp và sắp xếp theo quy tắc. - Tạo ra quy tắc sắp xếp. - Ghép thành cặp những đối tượng có mối liên quan So sánh lớn hơn, nhỏ hơn hoặc bằng đồ vật xuất hiện tương ứng trên màn hình; - Sắp xếp theo qui tắc; Sắp xếp các số theo thứ tự từ bé đến lớn.
59	MT59	Biết cách đo độ dài và nói kết quả đo. (CS106)	- Đo độ dài một vật bằng các đơn vị đo khác nhau - Đo độ dài các vật, so sánh và diễn đạt kết quả đo + Chọn được dụng cụ làm thước đo + Đặt thước đo liên tiếp + Nói đúng kết quả đo
60	MT60	Trẻ biết sử dụng một số dụng cụ để đo, đong và so sánh, nói kết quả.	- Đo dung tích các vật, so sánh và diễn đạt kết quả đo. + Chọn dụng cụ để đo, đong. + Múc đầy dụng cụ đo + Đổ vào đối tượng cần đo. Nói đúng kết quả đo.
		Nhận biết hình dạng	
61	MT61	Trẻ chỉ ra được khối cầu, khối vuông, khối trụ, khối chữ nhật theo yêu cầu.(CS107)	- Nhận biết, gọi tên khối cầu, khối vuông, khối chữ nhật, khối trụ và nhận dạng các khối hình đó trong thực tế. - Chắp ghép các hình, hình học để tạo thành các hình

		<i>Trẻ biết sử dụng máy tính như là một công cụ để sáng tạo, chơi và học. Trẻ biết các con số, cách đếm, thêm bớt, so sánh, các dạng hình học, kích thước. (Khai thác phần mềm Kidsmart)</i>	mới theo ý thích và theo yêu cầu. - Tạo ra một số hình học bằng các cách khác nhau. - So sánh và chọn cỡ. - Xác định và chọn hình, thiết lập trên khoảng trống hoặc theo một mẫu thiết kế. - Thử các thiết bị theo thứ tự khác nhau để tạo ra các kết quả khác nhau. - Nhận biết xác định mẫu hình.
		Định hướng thời gian và định hướng thời gian	
62	MT62	Trẻ có thể xác định vị trí (trong, ngoài, trên dưới, trước, sau, phải, trái) của một vật so với một vật khác.(CS 108) <i>Trẻ biết khám phá, tự do tìm tòi, định hướng trong không gian và thời gian, xác định được các phương hướng qua ngôi nhà không gian và thời gian của TRUDY. (Khai thác phần mềm Kidsmart)</i>	- Xác định vị trí của đồ vật (phía trước- phía sau ; phía trên - phía dưới ; phía phải - phía trái.) so với bản thân trẻ, với bạn khác, với một vật nào đó làm chuẩn. - Xác định các phương hướng chính: trái, phải, trước, phía nam, bắc, đông, tây.
63	MT63	Trẻ phân biệt được ngày hôm qua, ngày mai qua sự kiện hàng ngày. (CS110)	- Nhận biết hôm qua, hôm nay, ngày mai qua các sự kiện hàng ngày trẻ được đến lớp, đi chơi, du lịch.... - Công việc của ngày hôm qua, hôm nay và dự định ngày mai.
64	MT64	Gọi tên các ngày trong tuần theo thứ tự.(CS109) <i>Trẻ biết khám phá, tự do tìm tòi, định hướng trong không gian và thời gian, xác định được các ngày trong tuần qua ngôi nhà không gian và thời gian của TRUDY. (Khai thác phần mềm Kidsmart)</i>	- Nói được tên các ngày trong tuần theo thứ tự. - Nói được tên các ngày đi học và ngày nghỉ trong một tuần. - Học cách xác định các ngày trong tuần
65	MT65	MT65: Trẻ nói được ngày trên lịch và giờ	- Nói được lịch, đồng hồ dùng để làm gì?

		trên đồng hồ(CS111) <i>Trẻ biết khám phá, tự do tìm tòi, định hướng trong không gian và thời gian, xác định được các phương hướng qua ngôi nhà không gian và thời gian của TRUDY. (Khai thác phần mềm Kidsmart)</i>	- Nói được ngày trên lốc lịch (đọc ghép số) - Nói được giờ chẵn trên đồng hồ. - Học cách nói về thời gian trên hai loại đồng hồ bang giờ, nửa giờ và một phần tư giờ. - Học về đơn vị thời gian khi di chuyển tiến lùi hình minh họa bang tháng, ngày, giờ, phút, giây. - Đặt các biểu tượng lên bản đồ hộp cát.
		2.2.3 Khám phá xã hội	
		Nhận biết bản thân, gia đình, trường lớp mầm non và cộng đồng	
66	MT66	Trẻ nói đúng họ, tên, ngày sinh, giới tính của bản thân khi được hỏi trò chuyện. Trẻ nói được tên, tuổi, giới tính, công việc hàng ngày của các thành viên trong gia đình, địa chỉ gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình.	- Họ tên, ngày sinh, giới tính, đặc điểm bên ngoài, sở thích của bản thân và vị trí của trẻ trong gia đình - Các thành viên trong gia đình, nghề nghiệp của bố mẹ ; Sở thích của các thành viên trong gia đình; quy mô gia đình (Gia đình nhỏ, gia đình lớn). Nhu cầu gia đình, địa chỉ gia đình.
67	MT67	Trẻ nói được đến tên, và địa chỉ của trường, lớp, tên, một số công việc của cô giáo và các bác công nhân viên, tên và một vài đặc điểm của các bạn trong lớp trong trường khi được hỏi, trò chuyện. Trẻ nói họ tên và đặc điểm của các bạn trong lớp khi được hỏi, trò chuyện.	- Tên, địa chỉ của trường lớp. - Tên và công việc của cô giáo và các cô bác ở trường. - Họ tên và một vài đặc điểm của các bạn, các hoạt động của trẻ ở trường. - Các đồ dùng đồ chơi trong lớp. - Họ tên, ngày sinh, giới tính, đặc điểm bên ngoài, sở thích của bản thân và các bạn trong lớp.
68	MT68	Trẻ thích khám phá các sự vật và hiện tượng xung quanh. (CS113)	- Thích những cái mới (đồ chơi, đồ vật, hoạt động mới). - Nhận ra và hay hỏi về những thay đổi, những cái mới ở xung quanh - Thích thử công dụng của sự vật. - Tháo, lắp lại cấu tạo của sự vật. - Hay đặt câu hỏi "Tại sao?", "Cái gì đây?", "Đề làm gì?"...
69	MT69	Trẻ có thể thực hiện công việc theo cách riêng	- Có cách thực hiện công việc theo cách riêng của mình.

		của mình. (CS118)	- Đạt được kết quả theo yêu cầu của công việc.
		Nhận biết một số nghề phổ biến và nghề truyền thống ở địa phương	
70	MT70	Trẻ biết kể tên, công việc, công cụ, sản phẩm/ích lợi ...của một số nghề các nghề phổ biến. (CS98) <i>Trẻ biết tên gọi, đặc điểm nổi bật của một số nghề truyền thống của địa phương.</i>	- Tên gọi, công cụ, sản phẩm các hoạt động và ý nghĩa của các nghề phổ biến. - <i>Tên gọi, công cụ, sản phẩm của nghề, các hoạt động và ý nghĩa các nghề phổ biến, nghề truyền thống ở địa phương.</i>
71	MT71	<i>Trẻ biết tên gọi, đặc điểm nổi bật, của một số sản phẩm nông sản đặc trưng quê hương An Sinh (Cây vải thiều, Cây thanh long, cây Na dai...)</i>	<i>- Tên gọi, đặc điểm nổi bật, ích lợi của một số sản phẩm nông sản đặc trưng quê hương An Sinh (Cây vải thiều, Cây thanh long, Cây Na dai...)</i>
		Nhận biết một số lễ hội và danh lam thắng cảnh	
72	MT72	Trẻ biết kể tên một số lễ hội và nói về các hoạt động nổi bật của lễ hội của quê hương, đất nước, quê hương Trẻ biết kể tên và nêu một vài nét đặc trưng của danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử của quê hương, đất nước	- Kể tên, đặc điểm nổi bật và các hoạt động, ý nghĩa của các ngày lễ, hội, sự kiện văn hoá của địa phương, quê hương đất nước. - Kể tên, đặc điểm nổi bật và các hoạt động, ý nghĩa của các ngày lễ, hội do trường tổ chức. (Khai giảng, trung thu, tết cổ truyền, 20/11 ; 22/12 ; 8/3; <i>Lễ hội đền Sinh, di tích lịch sử nhà Trần...</i>) - Kể tên và nêu đặc điểm nổi bật của một số di tích, danh lam, thắng cảnh, sự kiện văn hóa của địa phương, của quê hương, đất nước. (<i>Lễ hội Đền Sinh, Đền Thái khu di tích lịch sử nhà Trần...</i>)
73	MT73	Trẻ có thể kể được một số địa điểm công cộng gần gũi nơi trẻ sống. (CS97)	- Kể hoặc trả lời được câu hỏi về những địa điểm công cộng: trường học/nơi mua sắm, khám bệnh, công viên...ở nơi trẻ sống.
74	MT74	<i>Trẻ hiểu biết về tên gọi, một số thông tin về biển đảo Việt Nam</i>	<i>- Trẻ kể tên một số đảo lớn nhỏ của Việt Nam (Trường Sa, Hoàng Sa, Cô Tô, Vân Đồn, Phú Quốc...)</i> <i>- Trẻ biết một số thông tin cần thiết về biển đảo Việt Nam</i>

2.3. Lĩnh vực phát triển ngôn ngữ			
2.3.1. Nghe hiểu lời nói			
75	MT75	Trẻ có khả năng nhận ra được sắc thái biểu cảm của lời nói khi vui, buồn, tức giận, ngạc nhiên, sợ hãi. (CS61)	- Lắng nghe và nhận ra được sắc thái biểu cảm của lời nói khi vui, buồn tức giận, ngạc nhiên, sợ hãi của người khác và biết sử dụng sắc thái đó vào lời nói của bản thân. - Nhận ra đặc điểm tính cách của nhân vật qua sắc thái ngữ điệu, lời nói của các nhân vật trong các câu chuyện.
76	MT76	Trẻ nghe hiểu và thực hiện được các chỉ dẫn liên quan đến 2 - 3 hành động. (CS62)	- Hiểu và làm theo được 2-3 yêu cầu liên tiếp. - Nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng, câu phức. - Hiểu và thực hiện được những lời nói và chỉ dẫn của giáo viên. - Biểu hiện sự cố gắng quan sát, nghe và thực hiện các quy định chung trong chế độ sinh hoạt của lớp giờ tay khi muốn nói, chờ đến lượt, trả lời câu hỏi, chú ý lắng nghe...) - Chú ý hiểu thông điệp, không ngắt lời người nói
77	MT77	Trẻ hiểu một số từ khái quát chỉ sự vật, hiện tượng đơn giản, gần gũi. (CS63)	- Hiểu và nói được các từ khái quát, từ trái nghĩa chỉ sự vật, hiện tượng đơn giản, gần gũi sau khi được xem tranh, vật thật, mô hình... - Giải nghĩa được một số từ với sự giúp đỡ của người khác.
78	MT78	Trẻ nghe hiểu nội dung truyện, thơ, đồng dao ca dao phù hợp với độ tuổi. (CS64)	- Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi. - Nghe các bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đối, hò, vè phù hợp với độ tuổi.
79	MT79	Trẻ biết chăm chú lắng nghe người khác và đáp lại bằng cử chỉ, nét mặt, ánh mắt phù hợp.	- Chăm chú nghe người khác nói, nhìn vào mắt khi giao tiếp.

		(CS74)	- Trả lời câu hỏi, đáp lại bằng cử chỉ, điệu bộ, nét mặt. - Lắng nghe người kể một cách chăm chú, phản ứng lại bằng những hành động thân thiện. Giơ tay khi muốn nói.
		Sử dụng lời nói trong cuộc sống hàng ngày	
80	MT80	Trẻ biết nói rõ ràng. (CS65)	- Phát âm các tiếng có phụ âm đầu, phụ âm cuối gần giống nhau và các thanh điệu. - Kể rõ ràng, có trình tự về sự vật hiện tượng nào đó để người nghe có thể hiểu được.
81	MT81	Trẻ biết sử dụng các từ chỉ tên gọi, hành động, tính chất và từ biểu cảm trong sinh hoạt hàng ngày. (CS66)	- Sử dụng đúng danh từ, tính từ, động từ, từ biểu cảm trong câu nói và phù hợp với hoàn cảnh, trong hoạt động hàng ngày.
82	MT82	Trẻ biết sử dụng các loại câu khác nhau trong giao tiếp. (CS67)	- Dùng được câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định, câu nghi vấn, câu mệnh lệnh phù hợp với tình huống.
83	MT83	Trẻ biết sử dụng lời nói để bày tỏ cảm xúc, nhu cầu, ý nghĩ và kinh nghiệm của bản thân. (CS68)	- Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân rõ ràng, dễ hiểu bằng các câu đơn, câu ghép khác nhau. - Sử dụng ngôn ngữ tự diễn đạt cảm xúc của bản thân.
84	MT84	Trẻ biết sử dụng lời nói để trao đổi và chỉ dẫn bạn bè trong hoạt động. (CS69) (QCN)	- Sử dụng lời nói để trao đổi những nhu cầu cần thiết trong cuộc sống và chỉ dẫn các bạn để các bạn hiểu và cùng nhau hợp tác trong các hoạt động.
85	MT85	Trẻ có thể kể lại một hiện tượng, một sự kiện nào đó để người khác nghe hiểu được. (CS70)	- Kể lại sự việc, hiện tượng rõ ràng, theo trình tự logic về sự việc, hiện tượng mà trẻ biết hoặc nhìn thấy. - Khi người nghe chưa rõ trẻ có thể kể chậm lại, nhắc lại, giải thích lại.
86	MT86	Trẻ có thể kể lại nội dung chuyện đã nghe theo trình tự nhất định. (CS71) <i>Trẻ biết cách kể chuyện về một nhân vật nào đó và hiểu được ý nghĩa của từ trong mỗi ví dụ.</i>	- Thường xuyên tự kể được nội dung câu chuyện (trẻ đã được nghe kể) một cách rõ ràng theo trình tự nhất định. - Chọn nhân vật và các tình tiết cho câu chuyện,

		<i>(Khai thác phần mềm Kidsmart)</i>	<i>nghe câu chuyện của mình.</i>
87	MT87	Biết cách khởi xướng cuộc trò chuyện (CS72)	- Mạnh dạn, chủ động giao tiếp với mọi người. - Sẵn sàng bắt đầu nói chuyện với người khác. - Biết cách khởi xướng cuộc trò chuyện bằng các cách khác nhau.
88	MT88	Trẻ biết điều chỉnh giọng nói phù hợp với tình huống và nhu cầu giao tiếp. (CS73)	- Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp. - Điều chỉnh được cường độ giọng nói phù hợp với tình huống và nhu cầu giao tiếp.
89	MT89	Trẻ biết không nói leo, không ngắt lời người khác khi trò chuyện. (CS75) <i>Trẻ biết tuân thủ các quy tắc thể hiện văn hóa khác nhau (lời nói, cử chỉ, hành động...) để cho thấy mong muốn nhu cầu, nguyện vọng, và ý kiến của bản thân (QCN)</i>	- Giơ tay khi muốn nói và chờ đến lượt. - Không nói chen vào khi người khác đang nói. - Tôn trọng người nói bằng việc lắng nghe, hoặc đặt các câu hỏi, nói ý kiến của mình khi họ đã nói xong. - <i>Tuân thủ các quy tắc thể hiện văn hóa khác nhau (lời nói, cử chỉ, hành động...) để cho thấy mong muốn nhu cầu, nguyện vọng, và ý kiến của bản thân</i>
90	MT90	Trẻ biết hỏi lại hoặc có những biểu hiện qua cử chỉ, điệu bộ, nét mặt khi không hiểu người khác nói. (CS76)	- Chủ động dùng câu hỏi để hỏi lại khi không hiểu người khác nói, hoặc thể hiện qua cử chỉ, điệu bộ khi trẻ không hiểu lời nói của người khác. - Dùng câu hỏi để hỏi lại (ví dụ “Chim gì là di sáo sậu, “di” nghĩa là gì?) - Nhún vai, nghiêng đầu, nhíu mày ý muốn làm
91	MT91	Trẻ biết sử dụng các từ: chào hỏi và từ lễ phép phù hợp với tình huống. (CS77)	- Sử dụng các từ: Cảm ơn ; xin lỗi ; xin phép ; thưa ; dạ ; vâng phù hợp với tình huống.
92	MT92	Không nói tục, chửi bậy. (CS78)	- Không nói hoặc bắt chước lời nói tục, chửi bậy trong bất cứ tình huống nào.
93	MT93	Trẻ biết kể chuyện theo tranh. (CS85)	- Kể truyện theo đồ vật, theo tranh: + Nhìn vào tranh vẽ trong sách, trẻ có thể nói được nội dung mà tranh minh họa.

			+ Xếp được các bức tranh theo đúng trình tự và kể được nội dung chính của câu chuyện.
94	MT94	Trẻ có thể kể lại câu chuyện quen thuộc theo cách khác nhau. (CS120)	- Kể có thay đổi một vài tình tiết như thay tên nhân vật, thay đổi kết thúc, thêm bớt sự kiện... trong nội dung truyện nhưng không mất đi ý nghĩa của câu chuyện.
95	MT95	Trẻ đóng được vai các nhân vật trong truyện.	- Đóng kịch, thể hiện được hành động, tính cách của các nhân vật trong truyện.
96	MT96	Trẻ biết đọc biểu cảm bài thơ, ca dao, đồng dao.	- Đọc thuộc, đọc diễn cảm bài thơ, ca dao, đồng dao.
2.3.2. Làm quen với việc đọc và viết			
97	MT97	Trẻ thích đọc những chữ đã biết trong môi trường xung quanh (CS79)	- Thích đọc những chữ cái đã biết trong bảng chữ cái ở môi trường xung quanh. - Thích tham gia vào hoạt động nghe cô đọc sách, hỏi người lớn hoặc bạn bè những chữ chưa biết.
98	MT98	Trẻ thể hiện sự thích thú với sách. (CS80)	- Xem sách và thường xuyên thể hiện hứng thú khi nghe đọc các loại sách khác nhau. - Thường xuyên chơi ở góc sách, tìm kiếm sách, „đọc“ sách tranh hoặc đề nghị người khác đọc cho nghe.
99	MT99	Trẻ có hành vi giữ gìn, bảo vệ sách. (CS81)	- Giữ gìn sách, bảo vệ sách. - Giở cẩn thận từng trang khi xem, không quăng quật, xé làm nhàu sách. - Để sách đúng nơi quy định sau khi sử dụng sách.
100	MT100	Trẻ có thể nhận biết ý nghĩa một số kí hiệu, biểu tượng trong cuộc sống. (CS82)	- Làm quen với một số ký hiệu thông thường trong cuộc sống (đồ dùng cá nhân, nhà vệ sinh, lối ra, nơi nguy hiểm, biển báo giao thông, đường dành cho người đi bộ) - Nhận biết các nhãn hàng hóa.
101	MT101	Trẻ có một số hành vi như người đọc sách. (CS83)	- Phân biệt phần mở đầu, kết thúc của sách. - Làm quen với việc đọc sách chỉ tên các phần của

			sách; Bìa, tranh minh họa, tên sách, tên tác giả... - Cầm sách đúng chiều, lật giở từng trang sách từ trái qua phải, đọc dựa mắt hoặc tay chỉ từ trái qua phải từ trên xuống dưới.
102	MT102	Trẻ thích “Đọc” theo truyện tranh đã biết. (CS84)	- "Đọc" theo truyện tranh đã biết với nội dung chính phù hợp các tranh vẽ; giở tranh khi hết nội dung truyện.
103	MT103	Trẻ biết chữ viết có thể đọc và thay cho lời nói. (CS86)	- Hiểu rằng chữ viết có thể đọc, có thể sử dụng chữ viết, số, ký hiệu... để thay thế cho lời nói. - Trẻ hiểu rằng chữ viết có ý nghĩa và con người dùng chữ viết với nhiều mục đích khác nhau.
104	MT104	Trẻ biết dùng các ký hiệu hoặc hình vẽ để thể hiện cảm xúc, nhu cầu, ý nghĩ và kinh nghiệm của bản thân. (CS87)	- Viết lại những trải nghiệm của mình qua những bức tranh hay biểu tượng đơn giản và sẵn sàng chia sẻ với người khác. - Trẻ biết dùng, tạo ra và sao chép các ký hiệu, biểu tượng hoặc hình vẽ, ký tự có tính chất sáng tạo để thể hiện cảm xúc, nhu cầu, ý nghĩ của bản thân;
105	MT105	Trẻ thích bắt chước hành vi viết và sao chép từ, chữ cái. (CS88)	- Biết sử dụng các dụng cụ viết, vẽ khác nhau. - Bắt chước hành vi viết trong vui chơi và trong hoạt động hằng ngày. - Tập tô, tập đồ các nét chữ. - Sao chép được các từ, chữ cái theo trật tự.
106	MT106	Trẻ biết “Viết” tên của bản thân theo cách của mình. (CS89) <i>Trẻ làm quen với cách viết tiếng Việt và biết cách sử dụng các câu chúc mừng, viết tên của bản thân. (Khai thác phần mềm Kidsmart)</i>	- Nhận được tên của mình trên các bảng ký hiệu đồ dùng cá nhân và sản phẩm của mình. - Trẻ biết ghép các chữ cái thành tên mình. - Lựa chọn từ để ghép thành câu chúc mừng theo gợi ý, sắp xếp các hình ảnh trang trí bưu thiếp theo chủ đề.
107	MT107	Trẻ biết “viết” chữ theo thứ tự từ trái qua phải, từ trên xuống dưới. (CS90)	- Biết "viết" theo thứ tự từ trái qua phải, từ trên dòng trên xuống dòng dưới;

		<i>Trẻ biết cách tô 29 chữ cái tiếng Việt với âm thanh hình ảnh tương ứng. (Khai thác phần mềm Kidsmart)</i>	- Hướng viết của các nét chữ. - Tô các nét chữ của 29 chữ cái tiếng Việt với âm thanh hình ảnh tương ứng.
108	MT108	Trẻ nhận dạng được chữ cái trong bảng chữ cái tiếng Việt. (CS91) - Trẻ làm quen với Tiếng Anh thông qua nhận biết các chữ cái, tên gọi các con vật, đồ vật...; Phát âm bảng Tiếng Anh; (Bảng cảm ứng tương tác EFUN TABLE) - Trẻ nhận biết các chữ cái trong từ và phân biệt các chữ cái theo nhóm. (Khai thác phần mềm Kidsmart) - Trẻ biết nh^{3/4}n dạng, cách đọc, tô màu 29 chữ cái tiếng Việt bảng cách nghe phát âm và thông qua những hình ảnh minh họa. (Khai thác phần mềm Kidsmart)	- Nhận dạng 29 chữ cái và phát âm đúng các chữ cái đó. - Nhận biết được chữ cái tiếng Việt trong sinh hoạt và trong hoạt động hằng ngày. - Biết rằng mỗi chữ cái đều có tên, hình dạng khác nhau và cách phát âm riêng. - Tìm chữ cái còn thiếu của các đồ vật, con vật, hoa, quả...v.v..tạo thành từ Tiếng Anh hoàn chỉnh. - Viết chữ và số trên màn hình hoặc vẽ tranh theo ý thích bảng Tiếng Anh - Đọc chữ cái Tiếng Anh. - Tìm chữ cái in hoa, in thường. - Tô các nét chữ cái in hoa, in thường và làm quen cách đọc bảng chữ cái Tiếng Anh. (Bảng cảm ứng tương tác EFUN TABLE) - Phân biệt các chữ cái theo 12 nhóm chữ cái mà trẻ được học: o ô ơ, a ã â, e ê, u u, i t c, b d đ, m n l, h k, p q, g y, s x, v r. - Nhận dạng và phát âm đúng 29 chữ cái tiếng Việt bảng cách nghe phát âm và thông qua những hình ảnh minh họa. Tô màu các chữ cái. (Qua phần mềm Kidsmart)
2.4. Lĩnh vực phát triển tình cảm và kĩ năng xã hội			
Thể hiện ý thức về bản thân			
109	MT109	Trẻ nói được một số thông tin quan trọng về bản thân và gia đình. (CS27)	- Tên, tuổi, giới tính của bản thân. - Tên trường, tên lớp đang học. - Tên, nghề nghiệp của bố mẹ và một số thành viên

			trong gia đình. - Địa chỉ gia đình. - Số điện thoại của bố mẹ.
110	MT110	Trẻ biết ứng xử phù hợp với giới tính của bản thân. (CS28) <i>- Trẻ biết những hành động bảo vệ cơ thể của bản thân, của người khác. Học cách tôn trọng sự khác biệt về đặc điểm cơ thể, hình dáng bên ngoài của bản thân, của người khác, kể cả người khuyết tật, người khác màu da, tóc, mắt. (QCN)</i>	- Trẻ phân biệt được giới tính một cách rõ ràng và biết cư xử phù hợp với giới tính của mình: + Trẻ trai mạnh mẽ, dứt khoát. + Trẻ gái nhẹ nhàng, ý tứ. - Lựa chọn được trang phục phù hợp với giới tính. - Điểm giống và khác nhau của mình với người khác. - Có những hành động bảo vệ cơ thể của bản thân, của người khác. Học cách tôn trọng sự khác biệt về đặc điểm cơ thể, hình dáng bên ngoài của bản thân, của người khác, kể cả người khuyết tật, người khác màu da, tóc, mắt.
111	MT111	Trẻ nói được khả năng và sở thích của bản thân. (CS29)	- Nói việc mình có thể làm được phù hợp với sở thích và khả năng thực tế của bản thân. - Nói về điều trẻ thích đúng với biểu hiện trong thực tế.
112	MT112	Trẻ biết đề xuất trò chơi và hoạt động thể hiện ý thích riêng của bản thân. (CS30) (QCN)	- Nêu ý kiến cá nhân trong việc lựa chọn các trò chơi, đồ chơi và các hoạt động theo sở thích của bản thân. - Cố gắng thuyết phục bạn để những đề xuất của mình được thực hiện.
113	MT113	Trẻ cố gắng thực hiện công việc đến cùng. (CS31)	- Nhận công việc được giao mà không lưỡng lự. - Nhanh chóng triển khai công việc, tự tin khi thực hiện. - Cố gắng hoàn thành công việc được giao
114	MT114	Thể hiện sự vui thích khi hoàn thành công việc. (CS32)	- Phấn khởi, vui vẻ, tự hào sau khi hoàn thành công việc. - Ngắm nghía, nâng niu sản phẩm của mình. - Kể, khoe sản phẩm của mình với người khác. - Giữ gìn, bảo quản sản phẩm.
115	MT115	Trẻ biết chủ động làm một số công việc đơn giản	- Tự giác thực hiện công việc đơn giản hằng ngày không

		hàng ngày. (CS33)	cần sự nhắc nhở. - Tự chuẩn bị, cất dọn đồ dùng đồ chơi. - Tự trực nhật và thực hiện các công việc cùng nhóm bạn. - Chủ động và độc lập trong một số hoạt động hàng ngày.
116	MT116	Trẻ mạnh dạn nói ý kiến của bản thân. (CS34) (QCN)	- Mạnh dạn, tự tin, bày tỏ ý kiến, nói lên suy nghĩ của bản thân mình. - Nhận xét và tỏ thái độ với hành vi "đúng" - "sai", "tốt" - "xấu".
Nhận biết và thể hiện cảm xúc, tình cảm với con người, sự vật, hiện tượng xung quanh			
117	MT117	Trẻ nhận biết được các trạng thái cảm xúc vui, buồn, ngạc nhiên, sợ hãi, tức giận, xấu hổ của người khác. (CS35)	- Nhận biết các trạng thái cảm xúc (vui, buồn, ngạc nhiên, sợ hãi, tức giận, xấu hổ) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói khi tiếp xúc trực tiếp hay qua tranh ảnh, âm nhạc.
118	MT118	Trẻ biết bộc lộ trạng thái cảm xúc của bản thân bằng lời nói, cử chỉ, nét mặt. (CS36)	- Thể hiện những trạng thái cảm xúc của bản thân phù hợp với tình huống khi giao tiếp với ai đó hoặc ngắm nghía một vật nào đó: vui, buồn, ngạc nhiên, sợ hãi, tức giận, xấu hổ qua lời nói, nét mặt, cử chỉ và điệu bộ.
119	MT119	Trẻ biết thể hiện sự an ủi và chia vui với người thân bạn bè. (CS37)	- Nhận ra tâm trạng của bạn bè, người thân (buồn hay vui). - An ủi người thân hoặc bạn bè khi họ buồn. - Chúc mừng, ca ngợi, cổ vũ người thân, bạn bè khi họ có niềm vui.
120	MT120	Trẻ biết thể hiện sự thích thú trước cái đẹp (CS38)	- Nhận ra được cái đẹp. - Thể hiện sự thích thú: reo hò, khen ngợi, xuýt xoa, ngắm nghía cái đẹp.
121	MT121	Trẻ thích chăm sóc cây cối, con vật nuôi quen thuộc. (CS39)	- Chăm sóc cây, quan tâm theo dõi sự phát triển của cây.

			- Chăm sóc các con vật quen thuộc, cho ăn, chơi đùa, vuốt ve, âu yếm các con vật thân quen.
	MT121.1	Trẻ thích chăm sóc cây cối (CS39)	- Chăm sóc cây, quan tâm theo dõi sự phát triển của cây.
	MT121.2	Trẻ thích chăm sóc con vật nuôi quen thuộc. (CS39)	- Chăm sóc các con vật quen thuộc, cho ăn, chơi đùa, vuốt ve, âu yếm các con vật thân quen.
122	MT122	Trẻ biết thay đổi hành vi và thể hiện cảm xúc phù hợp với hoàn cảnh. (CS40)	- Tự điều chỉnh hành vi, thái độ phù hợp với hoàn cảnh.
123	MT123	Trẻ biết kiềm chế cảm xúc tiêu cực khi được an ủi, giải thích (CS41)	- Sử dụng lời nói diễn tả cảm xúc tiêu cực của bản thân khi giao tiếp với bạn bè và người thân để giải quyết một số xung đột; - Kiềm chế những hành vi tiêu cực khi có cảm xúc thái quá với sự giúp đỡ của người lớn.
124	MT124	Trẻ dễ chủ động hòa đồng trong nhóm chơi. (CS42)	- Trong nhóm chơi dễ hoà đồng, dễ nhập cuộc, được mọi người tiếp nhận, chơi vui vẻ, thoải mái.
125	MT125	Trẻ chủ động giao tiếp với bạn bè và người lớn gần gũi. (CS43)	Chủ động đến nói chuyện giao tiếp với bạn và người lớn gần gũi. - Mạnh dạn trả lời các câu hỏi khi được hỏi.
126	MT126	Trẻ thích chia sẻ cảm xúc, kinh nghiệm, đồ dùng đồ chơi với những người gần gũi. (CS44)	- Kể cho bạn về chuyện vui, buồn của mình. - Trao đổi, chia sẻ với bạn trong hoạt động cùng nhóm. - Vui vẻ chia sẻ đồ dùng, đồ chơi với bạn.
127	MT127	Trẻ sẵn sàng giúp đỡ khi người khác gặp hoạn nạn khó khăn. (CS45)	- Chủ động giúp đỡ khi nhìn thấy bạn hoặc người khác cần sự trợ giúp. - Sẵn sàng, nhiệt tình giúp đỡ ngay khi bạn hoặc người lớn yêu cầu.
128	MT128	Trẻ có nhóm bạn chơi thường xuyên. (CS46)	- Có ít nhất 2 bạn thân hay cùng chơi với nhau. - Thường hay chơi theo nhóm bạn.
129	MT129	Trẻ biết chờ đến lượt khi tham gia vào các hoạt động. (CS47)	- Tuân theo trật tự, biết xếp hàng, vui vẻ chờ đến lượt, không chen ngang, không xô đẩy người khác,

			không tranh giành, không tranh nói trước khi trò chuyện trong nhóm.
130	MT130	Nhận ra hình ảnh Bác Hồ và một số địa điểm gắn với hoạt động của Bác Hồ (Chỗ ở, nơi làm việc...) Trẻ biết thể hiện tình cảm với Bác Hồ qua hát, đọc thơ cùng cô, kể chuyện về Bác Hồ.	- Hình ảnh Bác Hồ và một số địa điểm gắn với hoạt động của Bác Hồ. - Thể hiện tình cảm yêu quý, kính trọng Bác Hồ qua các bài hát, câu chuyện, bài thơ về Bác.
131	MT131	Trẻ biết một vài cảnh đẹp, di tích lịch sử, lễ hội và một vài nét văn hóa truyền thống (Trang phục, món ăn...) của quê hương, đất nước.	- Quan tâm đến di tích lịch sử quê hương Đông Triều như chùa Quỳnh Lâm, Khu di tích nhà Trần, đền Thái, Chùa Ngọa Vân. - Quan tâm đến di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh tỉnh Quảng Ninh như Vịnh Hạ Long, Quảng Ninh ghét biển đảo cảnh đẹp, lễ hội của địa phương, quê hương, đất nước.
		Hành vi và quy tắc ứng xử xã hội	
132	MT132	Trẻ biết lắng nghe ý kiến của người khác.(CS48)	- Một số quy định ở lớp, gia đình và nơi công cộng + Để đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ. + Trật tự khi ăn, khi ngủ. + Không làm mất trật tự nơi công cộng. + Đi bên phải lề đường.
133	MT133	Trao đổi ý kiến của mình với các bạn.(CS 49) <i>- Trẻ biết chia sẻ với bố mẹ, người thân khi bị xâm hại.</i>	- Tập trung chú ý lắng nghe người khác nói. - Không cắt ngang khi người khác đang nói. - Chấp nhận ý kiến hợp lý của người khác không trùng với ý của mình. - Trẻ nói ra khi bị xâm hại, bạo hành.
134	MT134	Trẻ biết thể hiện sự thân thiện, đoàn kết với bạn bè.(CS50)	- Trình bày ý kiến của mình để thỏa thuận với các bạn và chấp nhận thực hiện theo ý kiến chung. - Khi trao đổi, thái độ bình tĩnh tôn trọng lẫn nhau, không nói cắt ngang khi người khác đang trình bày.

135	MT135	Trẻ biết chấp nhận sự phân công của nhóm bạn và người lớn.(CS51)	- Chơi với bạn vui vẻ. - Biết dùng cách để giải quyết mâu thuẫn giữa các bạn trong nhóm.
136	MT136	Trẻ sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ đơn giản cùng người khác.(CS52)	- Tham gia vào vào việc tổ chức các sự kiện của nhóm. - Tôn trọng hợp tác chấp nhận, vui vẻ thực hiện nhiệm vụ được phân công.
137	MT137	Trẻ nhận ra việc làm của mình có ảnh hưởng đến người khác(CS53); (QCN)	- Cùng bạn làm các công việc đơn giản và có thể chủ động làm trước các công việc và rủ bạn làm theo. - Phối hợp với bạn để thực hiện và hoàn thành công việc vui vẻ không xảy ra mâu thuẫn.
138	MT138	Trẻ có thói quen chào hỏi, cảm ơn, xin lỗi và xưng hô lễ phép với người lớn. (CS54)	- Nói được việc làm của mình có ảnh hưởng/gây phản ứng cho người khác như thế nào?
139	MT139	Trẻ biết đề nghị sự giúp đỡ của người khác khi cần thiết.(CS55) <i>- Trẻ nhận biết và biết cách xử lý khi gặp phải tình huống nguy hiểm</i>	- Tự chào hỏi, xưng hô lễ phép với người lớn. - Biết cảm ơn khi được giúp đỡ hoặc cho quà. - Biết xin lỗi khi biết mình đã mắc lỗi. - Biết tìm sự hỗ trợ, giúp đỡ khi cần thiết. - Biết sử dụng ngôn ngữ thích hợp để nhờ sự hỗ trợ, giúp đỡ của người khác. - <i>Biết từ chối người khác.</i> - <i>Biết thoát khỏi các tình huống nguy hiểm</i>
140	MT140	Trẻ nói được khả năng, sở thích của bạn và người thân.(CS58)	- Thể hiện sự quan tâm tới người khác bằng cách nói đúng khả năng và sở thích của một số người gần gũi như bạn bè và người thân.
141	MT141	Trẻ chấp nhận sự khác biệt của người khác với mình.(CS59) <i>- Trẻ biết ranh giới tiếp xúc nguy hiểm. Trẻ biết nguy hiểm có thể đến từ bất cứ đâu: Hàng xóm,</i>	- Nhận ra và chấp nhận sở thích giống và khác nhau giữa mình và các bạn khác. - Tôn trọng mọi người không chê bai giễu cợt bạn bè, chơi với bạn hoà đồng, không xa lánh bạn hoặc người khuyết tật. - <i>Không để cho người khác nhìn khi thay đồ.</i>

		<i>người thân, trường học.(QCN)</i>	- Nhận biết đâu là ranh giới tiếp xúc cơ thể. Nơi nào nhạy cảm không ai được nhìn, sờ vào. - Không cho ai chạm vào vùng kín của mình cũng như không chạm vào vùng kín của bất cứ ai.
142	MT142	Trẻ quan tâm đến sự công bằng trong nhóm bạn.(CS60)	- Thấy được sự không công bằng trong nhóm bạn và đưa ra cách giải quyết tạo lại sự công bằng. - Biết chia sẻ, nhường nhịn, có ý thức cư xử công bằng với các bạn trong nhóm chơi.
143	MT143	<i>Trẻ có thói quen tham gia giao thông an toàn (Tôi yêu Vi t Nam)</i>	- Phát triển thói quen và trách nhiệm khi tham gia giao thông, bao gồm việc đội mũ bảo hiểm và tuân thủ quy tắc giao thông,... - Thực hiện các hoạt động tạo hình và sáng tạo như vẽ tranh về giao thông an toàn, làm các đồ dùng giao thông đơn giản như mũ bảo hiểm.
		Quan tâm đến môi trường	
144	MT144	Trẻ nhận xét được một số hành vi đúng hoặc sai của con người đối với môi trường.(CS56)	- Nhận ra 3-5 hành vi đúng, sai đối với môi trường. - Nhận biết được ảnh hưởng tốt, xấu của hành vi đó.
145	MT145	Trẻ có hành vi bảo vệ môi trường trong sinh hoạt hàng ngày.(CS57)	- Thể hiện các hành vi đúng đối với môi trường xung quanh trong sinh hoạt hằng ngày: + Giữ gìn vệ sinh trong và ngoài lớp học. + Giữ gìn vệ sinh trong nhà, ngoài đường, nơi công cộng. + Tắt điện khi ra khỏi phòng. + Biết sử dụng tiết kiệm điện nước trong sinh hoạt hằng ngày.
		2.5. Lĩnh vực phát triển thẩm mỹ	
		Cảm nhận và thể hiện cảm xúc trước vẻ đẹp thiên nhiên, cuộc sống và các tác phẩm nghệ thuật	

146	MT146	Trẻ biết tán thưởng, tự khám phá, bắt chước âm thanh, dáng điệu và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình, khi nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật hiện tượng.	- Thể hiện thái độ, tình cảm khi nghe âm thanh gợi cảm, các bài hát, bản nhạc và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật.
		Một số kỹ năng trong hoạt động âm nhạc và hoạt động tạo hình	
147	MT147	Trẻ nhận ra giai điệu (vui, êm dịu, buồn) của bài hát hoặc bản nhạc (CS99). <i>(Nhạc cổ điển, nhạc nhẹ, nhạc rap, remix, nhạc thiếu nhi, dân ca khác nhau của các vùng miền, nước ngoài, nhạc dân tộc của địa phương (hát then, hát soong cô.....))</i>	- Nghe và cảm nhận ra sắc thái (vui, buồn, tình cảm tha thiết) của các bài hát hoặc bản nhạc. - Nghe các loại nhạc khác nhau <i>Nhạc cổ điển, nhạc nhẹ, nhạc rap, remix, nhạc thiếu nhi, dân ca khác nhau của các vùng miền, nước ngoài, nhạc dân tộc của địa phương (hát then, hát soong cô.....),</i>
148	MT148	Hát đúng giai điệu, bài hát trẻ em.(CS 100)	- Hát đúng giai điệu, lời ca và thể hiện sắc thái, tình cảm của bài hát.
149	MT149	Trẻ thể hiện cảm xúc và vận động phù hợp với nhịp điệu của bài hát hoặc bản nhạc (CS101) <i>(Nhạc cổ điển, nhạc nhẹ, nhạc rap, remix, nhạc thiếu nhi, dân ca khác nhau của các vùng miền, nước ngoài, nhạc dân tộc của địa phương (hát then, hát soong cô.....))</i>	- Thể hiện cảm xúc, thái độ, tình cảm và vận động nhịp nhàng phù hợp với nhịp điệu của bài hát hoặc bản nhạc <i>(Nhạc cổ điển, nhạc nhẹ, nhạc rap, remix, nhạc thiếu nhi, dân ca khác nhau của các vùng miền, nước ngoài, nhạc dân tộc của địa phương (hát then, hát soong cô.....))</i> - Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo nhịp, tiết tấu, nhanh, chậm, phối hợp.
150	MT150	Trẻ biết sử dụng các vật liệu khác nhau để làm một sản phẩm đơn giản.(CS102)	- Lựa chọn, phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu trong thiên nhiên, phế liệu để tạo ra các sản phẩm.

151	MT151	Trẻ biết phối hợp các kỹ năng vẽ, nặn, cắt, xé, dán, xếp hình để tạo thành bức tranh cá màu sắc hài hòa, bố cục cân đối.	- Phối hợp các kỹ năng vẽ, nặn, cắt, xé, dán, xếp hình để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng, đường nét và bố cục.
		Thể hiện sự sáng tạo khi tham gia các hoạt động nghệ thuật (âm nhạc, tạo hình)	
152	MT152	Trẻ có thể đặt tên mới cho đồ vật, đặt lời mới cho bài hát).(CS117) (QCN)	- Đặt lời theo giai điệu một bài hát, bản nhạc quen thuộc (một câu hoặc một đoạn)
153	MT153	Trẻ thể hiện ý tưởng của bản thân qua các hoạt động khác nhau(CS119) (QCN)	- Tự nghĩ ra các hình thức để tạo ra âm thanh, vận động theo các bài hát bản nhạc yêu thích. - Tìm kiếm, lựa chọn các dụng cụ, nguyên vật liệu phù hợp để tạo ra sản phẩm theo ý thích.
154	MT154	Trẻ biết gõ đệm bằng dụng cụ theo tiết tấu tự chọn. <i>Trẻ biết phối hợp âm nhạc, sự khéo léo, kiến thức, kỹ năng thao tác với các chuyển động và ảo giác về chiều sâu. Tạo ra hiệu quả về hình ảnh độc nhất để trình diễn các loại âm nhạc khác nhau.(Khai thác phần mềm Kidsmart)</i>	- Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp, tiết tấu. - Sáng tạo, phân biệt âm thanh và ghi nhớ khi sáng tác hoặc nhắc lại các mẫu âm thanh với các công cụ khác nhau. - Phân biệt cao độ của âm thanh, ghi nhớ khi sáng tác hoặc nhắc lại các mẫu âm thanh với các cao độ khác nhau. - Tư duy tìm ra quy luật và sau đó tạo một bản chim để kiểm chứng giả thuyết của bạn. - Khám phá các quan hệ về không gian. Xử lý các chuyển động khi điều khiển chuyển động của các hình âm thanh tạo ra. - Phối hợp âm nhạc, thao tác với các chuyển động và ảo giác về chiều sâu.

155	MT155	Trẻ nói được ý tưởng thể hiện trong sản phẩm tạo hình của mình. (CS103)	- Nói được ý tưởng khi tạo ra sản phẩm tạo hình của mình, nhận xét sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng/đường nét và bố cục. - Đặt tên cho sản phẩm của mình.
-----	-------	---	---

III. DỰ KIẾN KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG

STT	TÊN CHỦ ĐỀ LỚN	CHỦ ĐỀ NHÁNH	THỜI GIAN	GHI CHÚ
1	Trường Mầm non 4 tuần (Từ ngày 09/09/2024 đến 04/10/2024)	Ngày hội đến trường	Từ ngày 09/9 đến ngày 13/9/2024	Tuần 1
		Tết trung thu	Từ ngày 16/9 đến ngày 20/9/2024	Tuần 2
		Trường MN An Sinh B của em	Từ ngày 23/9 đến ngày 29/9/2024	Tuần 3
		Lớp học thân yêu của bé	Từ ngày 30/9 đến ngày 04/10/2024	Tuần 4
2	Bản thân 3 tuần (Từ ngày 07/10/2024 đến 25/10/2024)	Tôi là ai	Từ ngày 07/10 đến ngày 11/10/2024	Tuần 5
		Cơ thể tôi	Từ ngày 14/10 đến ngày 18/10/2024	Tuần 6
		Tôi cần gì để lớn lên và khỏe mạnh	Từ ngày 21/10 đến ngày 25/10/2024	Tuần 7

3	Gia đình của bé – Ngày 20/11 4 tuần (Từ ngày 28/10/2024 đến 22/11/2024)	Gia đình của bé	Từ ngày 28/10 đến ngày 01/11/2024	Tuần 8
		Ngôi nhà gia đình ở	Từ ngày 04/11 đến ngày 08/11/2024	Tuần 9
		Đồ dùng gia đình	Từ ngày 11/11 đến ngày 15/11/2024	Tuần 10
		Ngày hội của các thầy cô 20/11	Từ ngày 18/11 đến ngày 22/11/2024	Tuần 11
4	Nghề nghiệp - Ngày 22/12 4 tuần Từ ngày 25/11/2024 đến 20/12/2024)	Nghề phổ biến	Từ ngày 25/11 đến ngày 29/11/2024	Tuần 12
		Nghề sản xuất	Từ ngày 02/12 đến ngày 06/12/2024	Tuần 13
		Nghề dịch vụ	Từ ngày 09/12 đến ngày 13/12/2024	Tuần 14
		Ngày thành lập QĐND Việt Nam 22/12	Từ ngày 16/12 đến ngày 20/12/2024	Tuần 15
5	Thế giới Động vật 4 tuần Từ ngày 23/12/2024 đến 17/01/2025)	Bé học về một số con thú	Từ ngày 23/12 đến ngày 27/12/2024	Tuần 16
		Tìm hiểu một số loài bò sát	Từ ngày 30/12 đến ngày 03/01/2025	Tuần 17
		Động vật lưỡng cư	Từ ngày 06/01 đến ngày 10/01/2025	Tuần 18
		Bé biết gì về loài cá	Từ ngày 13/01 đến ngày 17/01/2025	Tuần 19

6	Tết nguyên đán, Mùa xuân 2 tuần Từ 20/1/2025 đến 14/2/2025 <i>Nghỉ tết Nguyên đán từ 28/01-07/02/2025</i>	Tết nguyên đán	Từ ngày 20/01 đến ngày 24/01/2025	Tuần 20
		<i>Nghỉ tết nguyên đán từ ngày 27/01/2025 (tức ngày 28/12 âm lịch) đến hết ngày 07/02/2025 (tức ngày 10/01 âm lịch)</i>		
		Mùa xuân	Từ ngày 10/02 đến ngày 14/02/2025	Tuần 21
7	Thế giới thực vật - Ngày hội 08/3 4 tuần (Từ ngày 17/02/2025 đến 14/03/2025)	Một số loại cây	Từ ngày 17/02 đến ngày 21/02/2025	Tuần 22
		Một số loại hoa-Quả	Từ ngày 24/02 đến ngày 28/02/2025	Tuần 23
		Ngày hội 08/3	Từ ngày 03/03 đến ngày 07/03/2025	Tuần 24
		Một số loại rau củ	Từ ngày 10/03 đến ngày 14/03/2025	Tuần 25
8	Giao thông 2 tuần (Từ ngày 17/03/2025 đến 28/03/2025)	Phương tiện giao thông	Từ ngày 17/3 đến ngày 21/3/2025	Tuần 26
		Quy định giao thông	Từ ngày 24/3 đến ngày 28/03/2025	Tuần 27

9	Nước và các hiện tượng thiên nhiên 3 tuần Từ ngày 31/03/2025 đến 18/04/2025)	Nước	Từ ngày 31/3 đến ngày 04/04/2025	Tuần 28
		Các hiện tượng thời tiết	Từ ngày 07/4 đến ngày 11/4/2025	Tuần 29
		Mùa hè	Từ ngày 14/4 đến ngày 18/04/2025	Tuần 30
10	Quê hương đất nước Bác Hồ 3 tuần Từ ngày 21/04/2025 đến 09/05/2025)	Đông Triều quê em	Từ ngày 21/4 đến ngày 25/4/2025	Tuần 31
		Đất nước Việt Nam diệu kì	Từ ngày 28/4 đến ngày 02/5/2025	Tuần 32
		Bác Hồ với các cháu thiếu nhi	Từ ngày 05/05 đến ngày 09/5/2025	Tuần 33
11	Trường tiểu học 2 tuần Từ ngày 12/05/2024 đến 23/05/2025)	Trường tiểu học	Từ ngày 12/5 đến ngày 16/5/2025	Tuần 34
		Bé chuẩn bị đi học lớp 1	Từ ngày 19/5 đến ngày 23/5/2025	Tuần 35
Tổng	11 chủ đề	35 tuần		

IV. Đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch (Có phụ lục kèm theo)

Trên đây là kế hoạch chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục của lớp mẫu giáo 5 tuổi 1 năm học 2024-20245. Đề nghị Ban giám hiệu nhà trường xét duyệt và cho ý kiến chỉ đạo thực hiện.

BAN GIÁM HIỆU



Nguyễn Thị Mùi

NGƯỜI XÂY DỰNG KẾ HOẠCH

Lê Thị Liên